

Bản án số: 382/2020/HS-ST
Ngày: 30/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 340/2020/HSST ngày 16 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 391/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

1. **Lê Xuân B**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1982; Tại: tỉnh Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: ấp 3, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê H và bà: Hồ Thị M; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án:

- Ngày 10/01/2017, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có bản án số 19/2017/HSST, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 05/10/2017.

- Ngày 31/8/2018, Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh có Bản án số 104/2018/HSST, xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 16/3/2020.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 09/11/2004, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 27/01/2007.

Ngày 18/9/2007, Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 30/8/2010.

Bị tạm giam từ ngày 09/6/2020.

Bị cáo Lê Xuân B có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Duy P**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1984; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: đường 4, tổ 4, khu phố 5, phường T, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: đường 4, tổ 4, khu phố 5, phường T, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Đức N và bà: Phạm Thị H; Bị cáo có vợ và 01 con sinh năm: 2014

Tiền án, tiền sự : không.

Bị tạm giam từ ngày 09/6/2020.

Bị cáo Trần Duy P có mặt tại phiên tòa

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Thị M, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: 197/7/3 đường V, khu phố 4, phường L, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Kim T

Địa chỉ: 174/28 đường T, khu phố 1, phường T, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Xuân B, Trần Duy P là người nghiện ma túy, khoảng 08 giờ 30 phút ngày 09/6/2020, Trần Duy P gọi điện thoại cho Lê Xuân B rủ đi mua ma túy về sử dụng. B đồng ý và sử dụng xe mô tô hiệu Hoda Click biển số: 52X3-2807 chở P đến quán cà phê ở chân cầu Bình Phú, phường H quận Thủ Đức để Phương ngồi uống cà phê chờ B đi mua ma túy về, P đưa cho B 500.000 đồng để đi mua ma túy. B điều khiển xe mô tô biển số 52X3-2807 chạy đến ngã ba chợ Hiệp Bình, đường H, phường H, quận Thủ Đức gặp 01 người thanh niên tên Q (chưa rõ lai lịch) mua một gói nylon chứa ma túy với giá 500.000 đồng rồi quay về quán cà phê ở dưới chân cầu Bình Phú đón P. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, khi B và P đang trên đường đi về đến trước nhà số 1102D đường P, khu phố 8, phường L, quận Thủ Đức, thì bị tổ hình sự đặc nhiệm Công an quận Thủ Đức phát hiện bắt quả tang.

Kết luận giám định số 968/KLGD-H ngày 15/6/2020 của Phòng kỹ thuật Hình Sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m thu giữ của B và P là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5252gam, loại Methamphetamine.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức, Lê Xuân B, Trần Duy P đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 gói niêm phong ghi vụ số 968 có chữ ký Giám định viên Bùi Công Danh, bên trong là ma túy còn lại sau khi giám định;
- 01 điện thoại di động hiệu VSMART có sim số 03936619166 (thu giữ của Phương)
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số thuê bao 096275579 (thu giữ của Bình) .
- 01 xe mô tô hiệu Honda Click biển số 52X3-2807.

Kết quả xác minh xe mô tô hiệu Honda Click biển số 52X3-2807, số máy JF18E-0024420, số khung RLHJF18037Y324360, chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Kim T xác minh tại nơi thường trú của bà T thì bà T không thực tế cư trú tại địa phương, không biết bà T hiện đi đâu làm gì. Bà Hồ Thị M (mẹ ruột B) cho biết xe mô tô biển số 52X3-2807, bà M mua lại của bà Nguyễn Thị Kim T vào tháng 10/2019 với giá 10.000.000 đồng nhưng do không đủ tiền nên bà M trả trước cho bà T 5.000.000 đồng và nợ số tiền còn lại, khi nào trả đủ tiền bà T sẽ làm thủ tục sang tên và giao giấy tờ cho bà M. Sau đó, bà M không liên lạc được với bà T để trả tiền và làm thủ tục sang tên chủ sở hữu theo quy định. Ngày 09/6/2020, khi bà M đi chợ và để chìa khóa xe cắm trên xe mô tô biển số 52X3-2807, B tự ý lấy đi làm phương tiện phạm tội, bà M không biết.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức, Lê Xuân B và Trần Duy P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản Cáo trạng số 338/CT-VKSTĐ ngày 06/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố bị cáo Lê Xuân B theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Trần Duy P về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Lê Xuân B và Trần Duy P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đã truy tố. Các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận: Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Lê Xuân B và Trần Duy P phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Lê Xuân B từ: 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Trần Duy P từ: 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù, vật chứng xử lý theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Lê Xuân B và Trần Duy P không tranh luận hoặc bào chữa gì, các bị cáo nói lời sau cùng rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập được và kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội cụ thể của bị cáo như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 09/6/2020, Lê Xuân B, Trần Duy P bị bắt quả tang tại trước địa chỉ nhà số 1102D đường P, khu phố 8, phường L, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh khi đang có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy ở thể rắn với khối lượng 0,5252gam, loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Xuân B và Trần Duy P về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Lê Xuân B đã có hai tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy cần áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Xuân B và áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Duy P.

[3] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[4] Đối với người thanh niên tên Q (chưa rõ lai lịch) là người bán ma túy cho B, hiện chưa xác định được lai lịch, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 gói niêm phong ghi vụ số 968 có chữ ký Giám định viên Bùi Công Danh, bên trong là ma túy còn lại sau khi giám định, là vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số thuê bao 096275579 và 01 điện thoại di động hiệu VSMART có sim số 03936619166 là điện thoại của các bị cáo dùng để liên lạc rủ nhau đi mua ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Kết quả xác minh xe mô tô hiệu Honda Click biển số 52X3-2807, số máy JF18E-0024420, số khung RLHJF18037Y324360, chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Kim T, xác minh tại nơi thường trú của bà T thì bà T không thực tế cư trú tại địa phương, không biết bà T hiện đi đâu làm gì. Bà Hồ Thị M (mẹ ruột B) cho biết xe mô tô biển số 52X3-2807, bà M mua lại của bà Nguyễn Thị Kim T vào tháng 10/2019 với giá 10.000.000 đồng nhưng do không đủ tiền nên bà M trả trước cho bà T 5.000.000 đồng và nợ số tiền còn lại, khi nào trả đủ tiền bà T sẽ làm thủ tục sang tên và giao giấy tờ cho bà M. Sau đó, bà M không liên lạc được với bà T để trả tiền và làm thủ tục sang tên chủ sở hữu theo quy định. Do vậy, cần giao Cơ quan Thi hành án dân sự đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong hạn 06 tháng để tìm chủ sở hữu xe, nếu ai xuất trình đầy đủ tài liệu chứng cứ chứng minh chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại. Quá hạn trên không ai đến nhận thì tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Xuân B và Trần Duy P phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2- Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân B: 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2020.

3- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Duy P 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2020.

4- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong ghi vụ số 968 có chữ ký Giám định viên Bùi Công Danh, bên trong là ma túy còn lại sau khi giám định.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số thuê bao 096275579 của B và 01 điện thoại di động hiệu VSMART có sim số 03936619166 của P.

Giao Cơ quan Thi hành án dân sự đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong hạn 06 tháng để tìm chủ sở hữu xe mô tô hiệu Honda Click biển số 52X3-2807, số máy JF18E-0024420, số khung RLHJF18037Y324360, nếu ai xuất trình đầy đủ tài liệu chứng cứ chứng minh chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại. Quá hạn trên không ai đến nhận thì tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng tại Phiếu nhập kho số NKT2021/37 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức).

5- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và bà M có mặt có quyền kháng cáo bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Thủ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an quận Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an quận Thủ Đức;
- Chi cục THA.DS quận Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thanh Lâm